

Số: 244 /QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 18 tháng 01 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở
tỉnh Thái Bình đến năm 2020.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 16/12/2003; Luật Nhà ở ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở; Thông tư số 16/2006/TT-BXD ngày 01/9/2010 của Bộ Xây dựng quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 65/QĐ-TTg; số 66/QĐ-TTg; số 67/QĐ-TTg ngày 24/4/2009 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành một số cơ chế chính sách phát triển nhà ở cho sinh viên, công nhân lao động tại khu công nghiệp và cho người thu nhập thấp tại khu vực đô thị;

Căn cứ Quyết định số 2127/QĐ - TTg ngày 30/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 733/QĐ-TTg ngày 17/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Thái Bình đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2011/NQ- HĐND ngày 14/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XV, kỳ họp thứ 3 về việc phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thái Bình đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 01/TTr-SXD ngày 06/01/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thái Bình đến năm 2020, với những nội dung chủ yếu như sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN NHÀ Ở.

- Phát triển nhà ở là một trong những nội dung quan trọng của chính sách phát triển kinh tế xã hội; là trách nhiệm của nhà nước, của xã hội và của người dân.

- Cần có chính sách thúc đẩy thị trường nhà ở phát triển, đồng thời có chính sách hỗ trợ về nhà ở cho các đối tượng chính sách xã hội, người có thu nhập thấp và người nghèo gặp khó khăn về nhà ở, góp phần ổn định chính trị, bảo đảm an sinh xã hội và phát triển đô thị, nông thôn theo hướng văn minh, hiện đại.

- Phát triển nhà ở phải tuân thủ pháp luật, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng nông thôn mới, Quy hoạch kế hoạch sử dụng đất, đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm đất, phù hợp nhu cầu thực tế cho từng đối tượng xã hội;

- Phát triển nhà ở phải kết hợp giữa xây mới và cải tạo chỉnh trang đáp ứng nhu cầu về tiêu chuẩn diện tích, tiện nghi, chất lượng phục vụ mọi đối tượng của xã hội.

- Khuyến khích phát triển nhà ở tập trung theo dự án bảo đảm sự đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội phục vụ khu dân cư, đồng thời khai thác mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh;

- Kiến trúc nhà ở phải đa dạng, đảm bảo an toàn, chất lượng, tiện nghi, môi trường sinh thái bền vững có đủ các loại căn hộ phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội, khả năng thu nhập của mọi tầng lớp dân cư.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN NHÀ Ở ĐẾN NĂM 2020.

- Diện tích nhà ở bình quân đến năm 2015 toàn tỉnh đạt $22\text{m}^2/\text{người}$, trong đó tại đô thị đạt $26\text{m}^2/\text{người}$, tại nông thôn đạt $19\text{m}^2/\text{người}$; đến năm 2020 toàn tỉnh đạt $25\text{m}^2/\text{người}$, tại đô thị đạt $29\text{m}^2/\text{người}$, tại nông thôn đạt $22\text{m}^2/\text{người}$;

- Tích cực triển khai thực hiện các chương trình phát triển nhà ở xã hội tại khu vực đô thị (chủ yếu là nhà căn hộ chung cư) và hỗ trợ hộ nghèo khu vực nông thôn; phấn đấu đến năm 2020 đáp ứng 70% công nhân tại các Khu, Cụm công nghiệp, 80% sinh viên học sinh tại các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề có nhu cầu chỗ ở; hoàn thành xóa nhà ở đơn sơ cho hộ chính sách và hộ nghèo (theo chuẩn mới);

- Phấn đấu nâng tỷ lệ nhà ở chung cư trong các dự án phát triển nhà ở tại Thành phố Thái Bình đến năm 2015 đạt 30%, đến năm 2020 đạt trên 40% tổng số đơn vị nhà ở xây dựng mới, tiến tới giảm thiểu nhà ở liên kế;

- Nâng cao tỷ trọng nhà ở kiên cố, giảm tỷ trọng nhà ở bán kiên cố, xóa nhà đơn sơ; phấn đấu đến năm 2015 đạt tỷ lệ 98,5% nhà ở kiên cố và đến năm 2020 đạt tỷ lệ 100% nhà ở kiên cố.

III. DỰ BÁO NHU CẦU VỀ NHÀ Ở TỈNH THÁI BÌNH ĐẾN NĂM 2020

Bảng tổng hợp dân số và diện tích nhà ở các đô thị hiện có và các đô thị mới:

Tên địa danh	Thực trạng năm 2009		Dự báo năm 2015		Dự báo năm 2020		Nhu cầu về quỹ đất ở tăng thêm	
	Dân số	Diện tích sàn nhà ở	Dân số	Diện tích sàn nhà tăng thêm	Dân số	Diện tích sàn nhà tăng thêm	Đến năm 2015	Đến năm 2020
	(người)	(m ²)	(người)	(m ²)	(người)	(m ²)	(ha)	(ha)
1. Các đô thị hiện có	174.902	3.384.830	326.600	3.782.656	458.300	4.318.700	682,5	592,6
Thành phố Thái Bình	106.915	2.063.460	160.000	1.989.626	230.000	2.670.000	238,9	315,0
Thị trấn Quỳnh Côi	4.580	88.394	5.900	60.426	7.500	70.000	5,9	7,2
Thị trấn An Bài	8.704	167.987	12.000	135.309	18.000	222.000	14,8	27,0
Thị trấn Hưng Hà	7.889	152.257	10.000	99.853	12.000	98.000	9,5	9,0
Thị trấn Hưng Nhân	13.508	260.704	16.000	141.788	19.000	151.000	11,2	13,5
Thị trấn Đông Hưng	3.714	72.799	5.200	59.806	8.800	125.200	6,7	16,2
Thị trấn Diêm Điền(*)	10.813	215.696	50.000	54.799	70.000	85.000	176,3	90,0
Thị trấn Tiền Hải (*)	5.884	113.908	50.000	109.882	70.000	77.000	198,4	90,0
Thị trấn Thanh Nê	8.814	171.210	10.000	1.080.496	12.000	780.000	5,3	9,0
Thị trấn Vũ Thư	4.081	78.415	7.500	50.671	11.000	40.500	15,4	15,8
2. Các đô thị dự kiến	32.081	619.161	40.400	1.545.348	48.000	1.189.000	37,5	34,4
Thị trấn Tiên Hưng	7.803	150.597	8.200	1.180.555	10.000	780.000	1,8	8,2
Thị trấn Đông Quan	2.528	48.790	6.200	113.949	8.000	110.000	16,5	8,1
Thị trấn Thái Ninh	5.829	112.499	6.500	81.076	7.000	98.000	3,0	2,3
Thị trấn Nam Trung	11.037	213.014	13.000	69.855	15.000	69.500	8,8	9,0
Thị trấn Vũ Quý	4.884	94.261	6.500	99.913	8.000	131.500	7,3	6,8
Tổng cộng	206.983	4.003.991	367.000	5.328.004	506.300	5.507.700	720	627

(*) Thị trấn Diêm Điền và thị trấn Tiền Hải khi trở thành đô thị loại IV dân số và diện tích nhà ở, đất ở tăng thêm chủ yếu do đô thị hóa (Các xã lân cận được sáp nhập vào đô thị);

Bảng tổng hợp dân số và diện tích nhà ở tại nông thôn tỉnh Thái Bình:

Tên địa danh	Thực trạng năm 2009		Dự báo đến năm 2015		Dự báo đến năm 2020		Nhu cầu về quỹ đất tăng thêm	
	Dân số	Diện tích sàn nhà ở	Dân số	Diện tích sàn nhà tăng thêm	Dân số	Diện tích sàn nhà ở tăng thêm	đến năm 2015	đến năm 2020
	(người)	(m ²)	(người)	(m ²)	(người)	(m ²)	(ha)	(ha)
Thành phố Thái Bình	76.240	1.208.404	23.682	75.782	5.022	1.565	7	2
Huyện Quỳnh Phụ	218.804	3.468.043	224.221	803.093	222.123	666.368	80	68
Huyện Hưng Hà	226.245	3.585.983	232.347	839.926	233.218	716.194	84	72
Huyện Đông Hưng	230.259	3.649.605	235.265	752.848	233.856	701.569	75	70
Huyện Thái Thụy	235.680	3.735.528	206.730	661.535	192.211	576.633	66	58
Huyện Tiền Hải	202.208	3.204.997	165.602	529.925	148.796	446.389	53	45
Huyện Kiến Xương	203.451	3.224.698	210.036	652.659	211.684	635.051	65	64
Huyện Vũ Thư	214.105	3.393.564	220.118	799.381	221.790	697.144	80	70
Tổng cộng	1.606.992	25.470.822	1.518.001	5.115.149	1.468.70	4.454.413	510	449

IV. ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH QUỸ ĐẤT Ở ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở TỈNH THÁI BÌNH ĐẾN NĂM 2020.

STT	Tên địa danh	Quỹ đất ở tăng thêm giai đoạn 2011 - 2020 (ha)
1	Thành phố Thái Bình	562,9
2	Các thị trấn và các khu vực đô thị hóa liền kề Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp, Khu du lịch	793,1
3	Các xã ở khu quy hoạch xây dựng nông thôn mới	950
Tổng cộng		2306

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và nhu cầu quỹ đất ở tăng thêm của các địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ ban hành kế hoạch sử dụng đất hàng năm để phát triển nhà ở.

V. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở THEO DỰ ÁN GIAI ĐOẠN 2011 -2015.

1. Dự án nhà ở thương mại, giai đoạn 2011- 2015:

a. Tại thành phố Thái Bình:

- Đôn đốc hoàn thành dứt điểm việc xây dựng nhà ở tại các khu đô thị đã có như: Khu đô thị Trần Hưng Đạo, Khu đô thị Trần Lãm, Khu đô thị Kỳ Bá, sớm bàn giao cho Thành phố quản lý để người dân yên tâm sử dụng và có thực quyền sở hữu.

- Triển khai đầu tư xây dựng mới các Dự án phát triển nhà ở thương mại sau:

+ Khu dân cư và nhà ở xã hội phường Quang Trung với diện tích 10 ha
+ Khu nhà ở phía Nam thành phố Thái Bình (đường Lê Quý Đôn kéo dài) có tổng diện tích khoảng 50ha trong đó diện tích giai đoạn 1 (2011-2015) khoảng 30ha.

+ Khu nhà ở đường Nguyễn Tông Quai - Hoàng Công Chất khoảng 20 ha.

+ Khu nhà ở xã Vũ Phúc giai đoạn 1 khoảng 15 ha.

+ Khu nhà ở phường Hoàng Diệu giai đoạn 1 khoảng 10 ha.

+ Khu nhà ở xã Phú Xuân giai đoạn 1 khoảng 15 ha.

+ Một số khu nhà ở phát sinh mới và một số khu nhà ở quy mô nhỏ xen kẽ trong khu dân cư hiện có diện tích khoảng 30 ha.

b. Tại các thị trấn, các xã có khả năng đô thị hóa cao liền kề các đô thị và Khu, Cụm công nghiệp, Khu du lịch thuộc huyện, thành phố:

- Trong giai đoạn 2011-2015, mỗi địa phương triển khai 01 đến 02 dự án phát triển nhà ở thương mại, với quy mô tổng diện tích đất từ 05-07 ha (tương đương 48.000 đến 67.200 m² sàn nhà ở tăng thêm) tối đa là 15 ha cho các thị trấn có khả năng phát triển và sức hút nhà đầu tư. Đối với các đô thị có yếu tố phát triển đột biến có thể mở rộng quy mô dự án đáp ứng yêu cầu tùy theo điều kiện cụ thể. Danh mục dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Tiếp tục triển khai các dự án đã có chủ trương từ năm 2011 tại các địa phương, gồm:

+ Khu nhà ở xã Đông La, huyện Đông Hưng với diện tích khoảng 12 ha.

+ Khu nhà ở xã Tây Sơn, huyện Tiền Hải với diện tích khoảng 12 ha.

+ Khu nhà ở thị trấn An Bài, huyện Quỳnh Phụ với diện tích khoảng 3,1 ha.

+ Khu nhà ở xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy với diện tích khoảng 20ha (dự án lấn biển).

c. Đối với khu vực nông thôn:

Tích cực chỉnh trang nhà ở khu dân cư theo hướng nâng cao tỷ lệ nhà ở kiên cố, xóa bỏ nhà ở đơn sơ đảm bảo tiêu chuẩn diện tích; xây dựng các khu ở mới tập trung đồng bộ hạ tầng theo quy hoạch nông thôn mới đã duyệt; đẩy nhanh quy hoạch chi tiết nhằm xác định, công bố quỹ đất được phép xây dựng và thực hiện thí điểm xây dựng nhà ở cho các diêm dân cư theo dự án kiểu đô thị. Nhu cầu đất ở tăng thêm tại mỗi xã trong kế hoạch 2011-2015 là khoảng 2ha, tối đa là 3ha (Không bao gồm quỹ đất tái định cư phục vụ việc di chuyển xóm trại lẻ ngoài cánh đồng vào khu dân cư theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới).

2. Dự án phát triển nhà ở xã hội, giai đoạn 2011- 2015:

a. Tại thành phố Thái Bình:

- Hoàn thành xây dựng Khu nhà ở xã hội tại địa điểm Xí nghiệp Đoàn Kết cũ, đường Trần Hưng Đạo, diện tích 0,47 ha; Khu nhà ở xã hội tại lô đất cạnh Nhà hát Chèo Thái Bình, với diện tích 0,3ha và Khu nhà ở xã hội tại Khu tập thể Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Thái Bình, diện tích khoảng 0,3 ha.

- Triển khai một số dự án nhà ở tại phía Nam thành phố Thái Bình do một số doanh nghiệp có số lượng người lao động lớn làm việc ổn định tại Thái Bình tự đầu tư xây dựng nhà ở cho cán bộ công nhân viên của đơn vị mình. Khuyến khích các doanh nghiệp này tổ chức xây dựng nhà ở để bán cho cán bộ công nhân viên theo phương thức giao đất ở có thu tiền sử dụng đất nhằm góp phần tăng ngân sách nhà nước.

- Hoàn chỉnh dự án nhà ở sinh viên với quy mô 04 nhà 09 tầng có diện tích sàn là 32.000 m² bố trí chỗ ở cho 3.400 sinh viên tại thành phố Thái Bình và ký túc xá sinh viên Trường Đại học Y khoa; Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh cơ sở phía Bắc (khu 2); hoàn chỉnh Dự án làng sinh viên trên diện tích 02 ha tại phường Quang Trung.

- Triển khai xây dựng khu nhà ở xã hội tại phường Quang Trung với diện tích khoảng 1,9 ha.

- Khu nhà ở xã hội tại xã Phú Xuân với diện tích khoảng 05 ha.

- Một số dự án nhà ở xã hội khác khi có nhu cầu.

b. Tại các thị trấn, các xã liền kề Khu, Cụm công nghiệp, Khu du lịch:

Nhu cầu nhà ở xã hội là chưa cấp bách, nên tùy theo điều kiện cụ thể triển khai một số dự án quy mô nhỏ, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư sản xuất công nghiệp đồng thời xây dựng các Khu nhà tập thể cho cán bộ công nhân viên (Như Khu tập thể Điện lực Dầu khí) và sẽ có những đề xuất cụ thể khi có nhu cầu.

VI. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.

1. Nhiệm vụ:

a. Tạo điều kiện khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển nhà ở thương mại để bán, cho thuê, cho thuê mua theo cơ chế thị trường nhằm đáp ứng nhu cầu của các đối tượng có khả năng chi trả.

b. Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nhà ở cho các nhóm đối tượng chính sách xã hội gặp khó khăn về nhà ở nhưng không có đủ khả năng thanh toán theo cơ chế thị trường, gồm:

- Giải quyết nhà ở cho người có công với cách mạng theo hướng tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ người có công khi mua, thuê nhà ở.

- Giải quyết nhà ở cho hộ nghèo theo hướng tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ theo nguyên tắc nhà nước hỗ trợ một phần từ nguồn ngân sách kết hợp với nguồn vốn vay của Ngân hàng Chính sách xã hội và nguồn vốn huy động của cộng đồng, dòng họ và của chính hộ gia đình được hỗ trợ; khuyến khích các tổ chức, cá nhân tặng nhà tình thương, nhà đại đoàn kết cho các đối tượng khó khăn về nhà ở.

- Giải quyết nhà ở cho người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị, công nhân lao động tại các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp theo hướng nhà nước chủ động đầu tư phát triển quỹ nhà ở xã hội để cho thuê, thuê mua; đồng thời thực hiện chính sách ưu đãi của nhà nước để khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng nhà ở để bán, cho thuê, thuê mua đối với các đối tượng.

- Giải quyết nhà ở cho học sinh, sinh viên các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề theo hướng tiếp tục thực hiện chủ trương đầu tư xây dựng nhà ở cho sinh viên, học sinh thuê từ nguồn trái phiếu Chính phủ, nguồn ngân sách nhà nước, kết hợp với khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia.

- Giải quyết nhà ở cho các đối tượng khác theo chính sách hiện hành của nhà nước.

2. Các giải pháp chủ yếu:

- Tập trung khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai để huy động các thành phần kinh tế tham gia phát triển nhà ở nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển nhà ở nói chung và nhà ở xã hội nói riêng;

- Đẩy nhanh việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch chi tiết trên cơ sở quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia lập quy hoạch chi tiết; công khai quy hoạch xây dựng và kế hoạch phát triển nhà ở;

xác định và công bố quỹ đất được phép xây dựng nhà ở theo quy hoạch để làm cơ sở thu hút đầu tư để tổ chức triển khai các dự án phát triển nhà ở; bố trí hợp lý quỹ đất xây dựng các loại nhà ở, gồm nhà ở thương mại, nhà ở xã hội trong quy hoạch chi tiết đô thị;

Các dự án nhà ở thương mại tại thành phố Thái Bình có diện tích đất từ 10 ha trở lên phải bố trí khoảng 20% diện tích sàn nhà ở dành để làm nhà ở xã hội.

- Tập trung xây dựng các khu nhà ở mới để di dời các hộ dân đang sinh sống tại các khu nhà chung cư cũ đã bị hư hỏng, xuống cấp, không bảo đảm an toàn tại trung tâm đô thị;

- Đối với khu vực nông thôn, từng bước thực hiện việc phát triển nhà ở hình thành các điểm dân cư nông thôn có đầy đủ cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, bảo đảm phù hợp mục tiêu chương trình xây dựng nông thôn mới; thí điểm mô hình phát triển nhà ở theo dự án;

- Kiến trúc nhà ở đô thị và nông thôn phải đáp ứng yêu cầu về thẩm mỹ, có bản sắc, coi trọng bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống; xây dựng các thiết kế mẫu nhà ở phù hợp với tập quán sinh hoạt, điều kiện sản xuất và truyền thống văn hoá của địa phương;

- Cùng cố, nâng cao năng lực bộ máy quản lý về phát triển nhà ở tại địa phương và các đô thị; kiện toàn Ban chỉ đạo chính sách nhà ở và thị trường Bất động sản; thành lập và đưa vào hoạt động Quỹ Phát triển nhà ở sau khi có hướng dẫn của Bộ Tài chính theo Quyết định số 2127/QĐ-TTg ngày 30/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Sở Xây dựng là cơ quan thường trực tổ chức thực hiện Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thái Bình đến năm 2020, với các nhiệm vụ sau:

- Chủ trì, phối hợp các sở ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức công bố công khai Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thái Bình đến năm 2020 trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh và của Sở Xây dựng.

- Hướng dẫn, đôn đốc, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện và đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện Chương trình với Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tham mưu để Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Quỹ Phát triển nhà.

- Nghiên cứu ban hành các mẫu nhà ở phù hợp với đô thị và nông thôn cho từng giai đoạn.

2. Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Nội vụ và các ngành có liên quan căn cứ chức năng và nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện kế hoạch và chỉ tiêu phát triển nhà ở hàng năm, thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ở, thị trường bất động sản; xây dựng và kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về nhà ở.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các xã, phường, thị trấn phối hợp với các sở, ngành có liên quan bổ sung các chỉ tiêu phát triển nhà ở vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh, của địa phương làm cơ sở chỉ đạo, điều hành, tổng kết, đánh giá định kỳ; kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý nhà ở đảm bảo yêu cầu công tác để thực hiện tốt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thái Bình đến năm 2020.

Điều 2. Giao cho Sở Xây dựng chịu trách nhiệm phối hợp với các sở ngành, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thực hiện nội dung Chương trình đã được phê duyệt bảo đảm theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước.

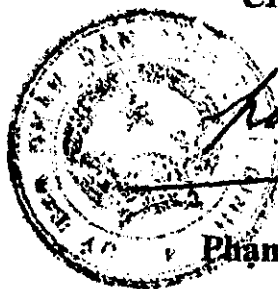
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 05/2010/QĐ-UBND ngày 31/5/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên Môi trường, Nội vụ, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Giám đốc sở, Thủ trưởng ngành, đơn vị và các chủ đầu tư có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu VT, XDCB, TM, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Sinh
Phạm Văn Sinh